**PHỤ LỤC I**

MẬT ĐỘ MẠNG LƯỚI ĐIỀU TRA TÀI NGUYÊN KHOÁNG SẢN ĐẤT HIẾM
*(Kèm theo Thông tư số 21/2024/TT-BTNMT ngày 21 tháng 11 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)*

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Hạng mục công việc** | **Mỏ đất hiếm nguyên sinh** | **Mỏ đất hiếm dạng hấp phụ ion** |
| 1 | Lộ trình khảo sát | Vuông góc hoặc gần vuông góc với cấu trúc địa chất; thân quặng, đới khoáng hóa | Cắt qua các dạng địa hình phát triển vỏ phong hóa (chân, sườn, đỉnh); cấu trúc địa chất. |
| 2 | Mật độ điểm khảo sát | 20-25 điểm/km2 | - 8 - 12 điểm/km2.- Đảm bảo tối thiểu 20% số điểm quan sát được mặt cắt vỏ phong hóa. Trường hợp không đạt được tiêu chuẩn nêu trên cần bổ sung các công trình khoan tay, khai đào công trình để đảm bảo. |
| 3 | Đo Gamma |  |  |
|  | - Gamma mặt đất theo lộ trình | 25m/điểm | 25m/điểm |
|  | - Gamma mặt đất chi tiết dị thường | 5x5m | 5x5m |
|  | - Gamma công trình | 50x50cm | 50x50cm |
|  | - Dị thường gamma công trình | 50x25cm | 50x25cm |
| 4 | Đo phổ gamma |  |  |
|  | - Phổ gamma mặt đất theo lộ trình | 25m/ điểm | 25m/ điểm |
|  | - Phổ gamma mặt đất chi tiết dị thường | 5x5m | 5x5m |
|  | - Phổ gamma công trình | 50x50cm | 50x50cm |